

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 29/01/2018.

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nhung

2. Bà Phan Thị Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương.

Ngày 29 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh - 26 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 500/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2017 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 445/2018/QĐST-DS ngày 05/01/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1982; nơi cư trú: 15/49 Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Bui Nick N, sinh năm 1982; nơi cư trú: Richmond Va 23228 4457 USA (vắng mặt).

Có ông Nguyễn Hồng Điều - Đại diện theo uỷ quyền - trong phạm vi được nhận các thông báo, quyết định, bản án liên quan đến việc giải quyết vụ án (văn bản uỷ quyền đã được hợp pháp hoá lãnh sự).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11/9/2017 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng H trình bày:

Bà và ông Bui Nick N tự nguyện đăng ký kết hôn số 1935 ngày 31/7/2014 tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn, ông Bui Nick N trở về Mỹ sinh sống, mỗi người một nơi. Vợ chồng chỉ liên lạc với nhau một thời gian ngắn. Khi sống xa nhau hai bên phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, khả năng đoàn tụ không thành. Bà xác định tình cảm không còn, xin được ly hôn.

Về con chung: không có.

Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Ông Bui Nick N trong bản tự khai được Đại sứ quán Việt Nam tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ xác nhận chữ ký trình bày: do vợ chồng mỗi người mỗi nơi nên đôi bên chỉ liên lạc với nhau bằng điện thoại. Khi sống xa nhau đôi bên thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và tính tình không hợp. Ông xác định con chung và tài sản chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

1. Xét về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị Hồng H ký đơn yêu cầu được ly hôn. Khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015 quy định: “Vợ chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn”. Ông Bui Nick N hiện đang cư trú ở nước ngoài. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Xét yêu cầu của nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Bui Nick N có đăng ký kết hôn. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn vợ chồng do khoảng cách địa lý, sau khi kết hôn vợ chồng đã không sống chung do ông Bui Nick N đã trở lại Hoa Kỳ. Khi sống xa nhau hai bên không thường xuyên liên lạc. Ông Bui Nick N xác định tình cảm không còn, xin được ly hôn.

Theo văn bản uỷ quyền ngày 19/9/2017, chữ ký của ông Bui Nick N đã được hợp pháp hoá lãnh sự. Nội dung uỷ quyền ông đã uỷ quyền cho ông Nguyễn Hồng Đ được thay mặt ông nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

Các văn bản về việc thụ lý vụ án, về thời gian mở phiên họp hoà giải đã được tổng đạt hợp lệ nhưng ông N không có văn bản nào khác với ý kiến tại văn bản mà bà H đã cung cấp ngày 19/9/2017.

Toà án đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/12/2017, thông báo thời gian mở phiên tòa là ngày 05/01/2018. Ông Bui Nick N có đơn xin vắng mặt. Do trong đơn này, ông N không đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất theo quy định tại Điều 227 và ấn định thời hạn mở phiên tòa lần thứ hai là ngày 29/01/2018. Bà Nguyễn Thị Hồng H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hôm nay, các đương sự tiếp tục vắng mặt. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Xét thấy, bà H đã cung cấp chứng cứ là các văn bản ghi ý kiến của ông N xác định do khoảng cách địa lý, vợ chồng không thường xuyên liên lạc, phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, ông N đồng ý ly hôn;

ông xác định không có con chung và không yêu cầu giải quyết về nợ chung, tài sản chung. Các văn bản này đã được hợp pháp hoá lãnh sự nên là chứng cứ có giá trị hợp pháp được công nhận theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Bui Nick N đã không có văn bản nêu ý kiến khác và cũng không đến Toà để giải quyết vụ án, đưa ra giải pháp để vợ chồng đoàn tụ. Đây là cơ sở để xác định cuộc sống chung giữa ông Bui Nick N và bà Nguyễn Thị Hồng H không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Căn cứ khoản 1 Điều 122, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2015 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H

Về con chung: không có.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: bà H phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Căn cứ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 122, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 26; điểm 1.1, mục 1 phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hồng H.

a) Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Hồng H được ly hôn với ông Bui Nick Nam.

Giấy chứng nhận kết hôn số 1935 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/7/2014 không còn giá trị pháp lý.

b) Về con chung: không có.

c) Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

2. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền bà H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2017/0047932 ngày 16/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Hồng H đã nộp đủ án phí.

3. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Ông Bui Nick N được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, bà Nguyễn Hà Bình Nhi được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Nhung

Phan Thị Nghĩa

Châu Thị Diệp